TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 12/2020/HSST.
Ngày: 23/4/2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huệ.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Đăng Bảy/ Cán bộ.
2. Ông Nguyễn Minh Sáu/ Bí thư xã đoàn xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lường Văn Tình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Khắc Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 28/2020/HSST, ngày 02 tháng 3 năm 2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đào Thanh D; Sinh năm 1995**, tại tỉnh B P.

HKTT: Thôn 4, xã Đ N, huyện B Đ, tỉnh B P.

Số chứng minh nhân dân: 285562105, Công an tỉnh B P cấp; Nghề nghiệp: Làm rẫy; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: nam; con ông Đào Thanh D1 và bà Nguyễn Thị H1; vợ: Phạm Thị L1, sinh năm 1997; Bị cáo có 01 người con sinh năm 2014; Tiền sự, Tiền án: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay (Có mặt)

- *Bị hại:* Vợ chồng ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1973 bà Nguyễn Thị Mỹ L2, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 3, xã Đ N, huyện B Đ, tỉnh B P.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Phạm Quốc Hào E, sinh ngày 08/01/2007.

HKTT: Thôn 4, xã Đ N, huyện B Đ, tỉnh B P.

Người đại diện hợp pháp: Vợ chồng ông Phạm Văn H3, sinh năm 1977 bà Nguyễn Thị H4, sinh năm 1981. (Bà H4 có mặt).

HKTT: Thôn 4, xã ĐN, huyện BĐ, tỉnh B P.

+ Phạm Quý V, sinh năm 1990. (vắng mặt).

HKTT: Thôn 4, xã Đ N, huyện B Đ, tỉnh B P.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng gần 00 giờ ngày 04/12/2019 Phạm Quốc Hào E cùng với Đào Thanh D đi cạo mủ cao su tại thôn 8, xã Đ N. Khi đang cạo D nói với Hào E biết nắp bình ắc quy bị mất và hỏi Hào E có chỗ nào kiếm được không. Do trước đó Hào E đã ở nhà ông Hải bà Lệ nên biết rõ nhà có tài sản và vào thời gian trên thì cả nhà ông H2 bà L2 đều không có ở nhà nên Hào E nói với D là nhà ông H2 bà L2 có nhiều nắp bình ắc quy và có nhiều tài sản khác như điện thoại và xe, nếu đi lấy thì vào đó lấy. D nghe Hào E nói như vậy thì nói lại ‘‘vậy thì đi vào đó lấy’’. Khoảng 30 phút sau D cùng Hào E đi về nhà D, rồi D sử dụng xe Mô tô biển kiểm soát 93L1-235.22 trước đó đã mượn của anh Phạm Quý V chở Hào E chạy qua cổng nhà ông H2 bà L2 khoảng 50 mét rồi dừng lại để Hào E đi bộ vào nhà bà L2 còn D đứng ngoài cảnh giới. Tới nơi, Hào E thấy cửa ra vào phía trước đã khóa, trong nhà có ánh điện sáng. Hào E giật bóng điện phía trước bỏ xuống đất rồi lấy chìa khóa để dưới chiếc võng mở cửa. Sau đó, Hào E gọi D vào lục tìm chìa khóa xe mô tô và tài sản. Hào E và D đi vào phòng ngủ nhìn thấy tủ đứng có ngăn kéo nên Hào E mở ngăn kéo ra rồi lấy đèn pin soi thì phát hiện trong ngăn kéo có nhiều hộp nhựa màu đỏ. Hào E nói với D “hình như có vàng anh D ơi”, D nhìn vào và nói “chắc là vàng”. Hào E kéo ngăn kéo ra thêm để D thò tay vào lấy một hộp nhựa màu đỏ, D mở ra thấy có một chiếc lắc tay kim loại màu vàng, hai sợi dây chuyền kim loại màu vàng. Hào E lấy hai hộp nhựa màu đỏ, mở ra thì thấy bốn chiếc nhẫn kim loại màu vàng đưa cho D, D bỏ vào túi áo khoác đang mặc trên người rồi cả hai đi ra phòng khách. Tại phòng khách, Hào E lấy 01 Ipad màu đen bỏ vào cốp xe Mô tô biển số 93L1-409.55 rồi dùng chìa khóa mở ổ khóa nhưng không được nên Hào E đưa chìa khóa lại cho D thì D mở được. Sau đó, Hào E điều khiển xe Mô tô biển kiểm soát 93L1-409.55 còn D điều khiển xe Mô tô biển số 93L- 235.22 chạy về nhà trong rẫy của D để cất giấu tài sản. Cất tài sản xong, D điều khiển xe Mô tô biển kiểm soát 93L1-235.22 chở Hào E quay lại nhà bà L2 lấy thêm một chiếc xe Mô tô biển kiểm soát 93L1- 150.91 chạy về nhà trong rẫy của D để cất giấu. Đến ngày 06/12/2019, D đến Công an xã Đ N đầu thú và giao nộp lại tài sản.

Tại Kết luận giám định số: 636/C09B ngày 20/01/2020 của Viện khoa học hình sự Phân viện KHHS tại TP. Hồ Chí Minh kết luận:

- 01 chiếc nhẫn mặt bông hoa bằng kim loại màu vàng, khối lượng: 3,4390gam, được niêm phong gửi đi giám định có thành phần chủ yếu là kim loại Đồng (Cu): 70,25%, Kẽm (Zn): 24,35%, không có thành phần kim loại Vàng (Au).

- 01 chiếc nhẫn trơn bằng kim loại màu vàng, có dập chữ K DUNG 10 9999-24K, khối lượng: 3,7456gam, được niêm phong gửi đi giám định có thành phần kim loại Vàng (Au): 97,70%, Bạc (Ag): 2,30%.

- 01 chiếc nhẫn trơn bằng kim loại màu vàng, có dập chữ K DUNG 10 9999-24K, khối lượng: 7,4958gam, được niêm phong gửi đi giám định có thành phần kim loại Vàng (Au): 98,88%, Bạc (Ag): 1,12%.

- 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, mặt nhẫn có hình tháp và có đính đá màu đỏ, tổng khối lượng: 4,3111gam, được niêm phong gửi đi giám định có thành phần kim loại Vàng (Au): 59,23%, Bạc (Ag): 16,90%, Đồng (Cu): 18,76%, Kẽm (Zn): 5,11%.

- 01 lắc tay bằng kim loại màu vàng, có mắt xích hình bông hoa, khối lượng: 8,6256gam, được niêm phong gửi đi giám định có thành phần chủ yếu là kim loại Đồng (Cu): 62,88%, Kẽm (Zn): 33,62%, không có thành phần kim loại Vàng (Au).

- 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng, có mặt hình bông hoa, khối lượng: 9,1659gam, được niêm phong gửi đi giám định có thành phần chủ yếu là kim loại Đồng (Cu): 62,53%, Kẽm (Zn): 34,55%, hàm lượng Vàng rất thấp (mạ vàng).

- 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng, có dập chữ K. HẢO-TCN, khối lượng: 4,9586gam, được niêm phong gửi đi giám định có thành phần kim loại Vàng (Au): 60,36%, Bạc (Ag): 25,10%.

Tại Kết luận định giá tài sản số : 110/KL-ĐG ngày 13/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Bù Đăng kết luận:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Luvias, màu trắng-đen, biển kiểm soát 93L1- 150.90, số máy: 001124, số khung: 001182 trị giá 7.000.000 đồng.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen-xám, biển kiểm soát 93L1-409.55, số máy: 400806, số khung: 270902 trị giá 15.000.000 đồng.

- 01 máy tính bảng Ipad, màu đen, hiệu Sam Sung, loại SM-T561 trị giá 1.900.000 đồng.

- 01 lắc tay kim loại màu vàng, bằng kim loại tổng hợp không có giá trị.

- 01 sợi dây chuyền mặt liền hoa văn màu vàng, bằng kim loại tổng hợp không có giá trị.

- 01 nhẫn hoa màu vàng, bằng kim loại tổng hợp không có giá trị.

- 01 dây chuyền kiểu vảy cá lá (Vàng 18K): 1.32 chỉ x 2.600.000 đồng/chỉ trị giá 3.432.000 đồng.

- 02 nhẫn trơn (Vàng 999): 3 chỉ x 4.100.000 đồng/chỉ trị giá 12.432.000 đồng.

- 01 nhẫn mặt vuông có tháp (nam), đá đỏ (Vàng 18K): 0,94 chỉ x 2.600.000 đồng/chỉ trị giá 2.444.000 đồng.

Tổng cộng giá trị tài sản là: 42.076.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 31/CTr –VKS ngày 27/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo Đào Thanh D về "Tội trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên thực hành quyền công tố khẳng định nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên rút một phần quyết định truy tố về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đào Thanh D phạm "Tội trộm cắp tài sản"; Về hình phạt áp dụng Khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đào Thanh D từ 18 đến 24 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; Bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung; về trách nhiệm dân sự và bồi thường thiệt hại, người bị hại đã nhận lại tài sản và tiền bồi thường không

yêu cầu gì nên không xem xét; Về vật chứng vụ án đã trả lại cho chủ sở hữu nên không xem xét giải quyết; Về án phí buộc bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố; không ai có ý kiến về các kết luận giám định, vật chứng thu giữ. Bị cáo không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng, bị cáo hối hận xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, để bị cáo cải tạo thành người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện B Đ, Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và xác định tội danh đối với bị cáo:

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 04/12/2019, Đào Thanh D cùng Phạm Quốc Hào E, sinh ngày 08/01/2007 lén lút đến nhà vợ chồng ông Nguyễn Văn H2 bà Nguyễn Thị Mỹ L2, tại thôn 3, xã Đ N, huyện B Đ, tỉnh B P lén lút chiếm đoạt 02 xe mô tô, 01 máy tính bảng Ipad và một số trang sức bằng kim loại vàng, tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 42.076.000 đồng.

Thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Đào Thanh D là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Đối với Phạm Quốc Hào E thời điểm thực hiện hành vi trộm tài sản chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự.

Từ những căn cứ trên có đủ cơ sở khẳng định hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác của bị cáo Đào Thanh D đã phạm vào "Tội trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng".

Như vậy, nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, nhưng do lòng tham muốn tiền tiêu xài nên đã phạm tội; Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác và còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại; Sau khi phạm tội đã ra đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình; bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn là lao động chính trong gia đình, có con còn nhỏ nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s Khoản 1; Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Sau khi cân nhắc mức độ hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo Hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên, cũng cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng để giảm nhẹ một phần cho bị cáo khi quyết định hình phạt. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo, giao bị cáo về chính quyền địa phương nơi cư trú dưới sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình bị cáo để bị cáo tự cải tạo mình thành người có ích cho xã hội là phù hợp.

[5] Hình phạt bổ sung: Xét bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó nên không áp dụng hình phạt bổ sung thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì nên không đề cập.

[7] Về bồi thường thiệt hại: Bị hại yêu cầu bồi thường 02 công tắc điện xe mô tô trị giá 800.000đ, hỗ trợ 2.000.000đ tiền công lao động trong thời gian mất tài sản phải trả công cho người khác và 10.000.000đ tổn thất tinh thần; Bị cáo đã bồi thường cho bị hại theo yêu cầu, bị hại không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[8] Về vật chứng vụ án: Xe Mô tô biển kiểm soát 93L1-150.90, xe Mô tô biển kiểm soát 93L1- 409.55, 01 máy tình bảng Ipad và toàn bộ số trang sức bằng vàng bị cáo chiếm đoạt của bị hại, quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B Đ đã trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp. Việc trả tài sản là đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp theo luật định.

[8] Quan điểm xử lý vụ án của Đại diện Viện kiển sát tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Đào Thanh D phạm "Tội trộm cắp tài sản".

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đào Thanh D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là 03 (ba) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (22/4/2020).

Giao bị cáo Đào Thanh D về Ủy ban nhân dân xã Đ N, huyện B Đ, tỉnh B P giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2]Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Đào Thanh D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Công an huyện Bù Đăng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Văn Huệ